

KIẾN TRÚC CỔ TRUYỀN VIỆT - MỘT VÀI VẤN ĐỀ CẦN NHÌN LẠI

LÊ NGỌC KIÊN

TÓM TẮT

Điểm thứ nhất, đặt vấn đề về chủ nhân của di sản văn hoá, ý nghĩa sâu sắc của di sản văn hoá trong diễn trình phát triển của lịch sử và xã hội Việt, nhận thức về di sản văn hoá qua góc độ văn hoá tâm linh.

Điểm thứ hai, đưa ra nhận thức của xã hội với di sản văn hoá hiện nay, đòi hỏi phải lấy tuệ và tâm để ứng xử với di sản văn hoá.

Từ khóa: kiến trúc, di sản văn hoá.

ABSTRACT

Firstly the author puts forward the subject of cultural heritage, the meaning of cultural heritage in the process of Viet's history and society, the awareness of cultural heritage through spiritual culture perspective.

Secondly, he discusses the awareness of society to cultural heritage and argues to put intellectual and heart to behave with cultural heritage.

Key words: architecture, cultural heritage.

Nhân Ngày Di sản văn hóa Việt Nam (23/11/2014), tôi nhớ có một buổi may mắn được ngồi thưa chuyện cùng một số nhà khoa học về văn hóa truyền thống, buổi ấy biết bao vấn đề về nhận thức mở ra cho tôi.

Điểm đầu tiên mà tôi tiếp thu được là về câu hỏi: Người Việt Nam là ai? Ở lĩnh vực nhận thức chung cho biết, "gốc của người Việt là Môn Khơme, rồi do những điều kiện lịch sử có các hệ Tạng Miến, Tày Thái và Đán cùng hội vào"¹. Bốn hệ cơ bản này cùng một vài tộc thiểu số đã "nhào nặn" với nhau ở vùng Phú Thọ và Ngã ba Hạc để hình thành nên tộc Việt Mường. Ít nhất nhận thức này cho chúng tôi hiểu, văn hóa Việt là sự tổng hòa - tổng hợp văn hóa của nhiều tộc người thiểu số. Và, như thế nghiên cứu về văn hóa Việt không thể thoát ly khỏi văn hóa tộc người. Từ đó, chúng tôi hiểu vào khoảng hơn 200 năm trước còn nhiều ngôi nhà sàn dựng ngay sát nội đô Hà Nội (nay ngôi nhà sàn gần nhất cũng cách gần 40 cây số). Rồi cũng thời gian đó, nhiều sinh hoạt tương đồng với người thiểu số, như "ném còn" vẫn còn tồn tại bên bờ hồ Gươm. Từ những chi tiết này,

chúng ta nhìn lại về kiến trúc nhà ở của người Việt tại vùng châu thổ, như nhà trình tường của một số tộc người có gốc ở Hoa Nam (Tày), nhà kết đứng, nhà nọc ngựa,... mà tôi đã quan tâm đến, nay ít nhiều đã thấy được phần nào nguồn gốc của nó. Ở mặt cảnh quan, những ngôi nhà này không lệ thuộc vào chất liệu ít bền vững mà dựng thấp, đồng thời mái nhà cũng thấp hẳn xuống để tránh gió bão. Tuy nhiên, đứng ở lĩnh vực văn hóa tâm linh, chúng ta có thể dễ dàng nhận thấy, người Việt chưa đẩy thần linh lên cao, sống nặng với văn hóa dân gian, muốn "Hòa" với thiên nhiên, vũ trụ, để mong được sự bảo trợ của thần linh. Đó là một trong những lý do để người Việt không có xu hướng làm nhà theo chiều cao, không vượt trên cây cối xung quanh, đồng thời, họ là những người nông dân được chia ruộng chứ không phải tá điền như ở Trung Hoa. Nhận thức về hạnh phúc của họ là được mùa no đủ, đồng nhất với ruộng đất được mở rộng. Ước vọng đó dẫn tới kiến trúc của họ thường dàn trải theo mặt bằng, với nhiều thành phần (nhà chính và nhà phụ). Ở đó, những cây trồng cũng được

tham gia vào hệ thống kiến trúc để tổng kết lại “trước cau, sau chuối”. Ngoài ra, với nông nghiệp thì kiến trúc của họ thường gắn với nước - thấp (âm) với nhà ở - cao (dương). Song, người Việt thường sử dụng nước tại chỗ (nước mưa), nên họ quan tâm nhiều đến đầm, hồ, ao để giải quyết cho việc sản xuất và sinh hoạt...

Tuy nhiên, từ ngoài đi vào ngôi nhà Việt, gần như người ta phải trải qua nhiều không gian, từ không gian đồng ruộng, tạm coi là không gian tự nhiên; đến bìa làng, đó là không gian tự nhiên nửa văn hóa; vào trong làng, đó là không gian văn hóa; vào trong nhà, đây là không gian văn hóa đậm đặc. Từ ngôi nhà ở, chúng tôi quan tâm tới những không gian văn hóa đậm đặc và đặc biệt là những di sản của tổ tiên để lại.

Điều thứ nhất, hiện nay nhiều người thường chỉ nhìn thấy yếu tố tôn giáo, tín ngưỡng ở các di sản văn hoá. Qua mạn đàm với những cây đại thụ, tôi hiểu tôn giáo, tín ngưỡng chỉ là một thuộc tính của di sản văn hóa mà thôi. Bởi từ trong di sản, người ta rút ra rất nhiều điều về lịch sử, văn hóa nói chung, cụ thể là:

• Thông qua niên đại của di sản văn hóa, chúng ta có thể biết được vùng đất trực trị của từng giai đoạn/triều đình trong lịch sử. Rằng, địa bàn chính của nhà Lý tập trung vào Thăng Long, Bắc Ninh cũ, rồi mở rộng theo những con đường thủy, như ven sông Đáy, đường bộ từ Phả Lại, tới Quảng Ninh và ven biển đến Bắc Thanh Hóa. Những vùng sâu, vùng xa là vùng đất Ki - Mi (ràng buộc), được quản bằng cách phong tước và gả công chúa cho các tù trưởng (để quy thuận về triều đình). Thời Trần, địa bàn có phần rộng hơn, chủ yếu do điều kiện chính trị để bảo vệ đất nước, nên dấu tích của thời kỳ này đã xuất hiện ở vùng xa trên những con đường quân Nguyên có thể đi qua. Từ đó để lại cho chúng ta những ngôi chùa mà tiền thân của nó là những đồn canh lớn, như chùa Hương tại Hà Tĩnh để kiểm soát quân Nguyên từ Chiêm Thành đi ra, rồi Yên Tử để quan sát cửa Bạch Đằng và vùng biển Quảng Ninh, rồi ngôi chùa ở trên núi Khuôn Khoai (Tuyên Quang), núi Hạ Hòa (Phú Thọ) đều nhằm mục đích quan sát con đường bộ mà quân Nguyên có thể xâm nhập. Tới thời Lê sơ, địa bàn của người Kinh đã rộng hơn, chúng ta đã gặp được bia của Lê Lợi khắc

trên đất Hoà Bình, Sơn La và ở biên giới Cao Bằng. Đương nhiên, phía Nam đã có dấu tích tận Nghệ An và xa hơn nữa. Tới thời Mạc, nền kinh tế thương mại phát triển, dấu tích để lại ven các con đường giao thông đến tận Nghệ An - Hà Tĩnh, ở phía Bắc tới tận vùng trung du bán sơn địa. Cứ theo đà phát triển ấy, tới thế kỉ thứ XVII, dấu tích văn hóa của người Việt đã có mặt rõ ràng ở Đà Nẵng, Quảng Nam mà không lệ thuộc vào biên giới của Đàng trong, Đàng ngoài. Tới thời Nguyễn, tưởng như đất nước thống nhất từ Nam Quan tới mũi Cà Mau, nhưng triều Nguyễn chưa để lại dấu tích trên Tây Nguyên...

• Cũng qua di sản văn hóa còn để dấu tích lại, thì cơ bản, những di tích của nhà Lý được tập trung vào cuối thế kỉ XI và đầu thế kỉ XII, thời kỳ đất nước luôn bị đe dọa bởi sự xâm lược của nhà Tống và cuộc chiến tranh với Chiêm Thành. Dấu tích của nhà Trần (có sự tham gia của triều đình) đã tập trung vào giai đoạn chống Nguyên Mông (cuối thế kỉ XIII, đầu thế kỉ XIV) và thời Trần - Hồ (cuối thế kỉ XIV). Thời chống Minh, ta chưa có một triều đình đủ tư cách, song sang thời Mạc, thì dấu tích văn hoá lại tập trung vào cuối thế kỉ XVI - giai đoạn chiến tranh Nam - Bắc triều (Mạc, Lê - Trịnh). Tới thời Trịnh Nguyễn phân tranh thì những ngôi chùa, đền lớn được xây dựng chủ yếu trong giai đoạn “nổi da xáo thịt” trong khoảng 70 năm đầu của thế kỉ XVII. Các di sản thời sau thường ít bị lệ thuộc vào chiến tranh hơn. Lý do gì để dấu tích di sản bị lệ thuộc vào chiến tranh? Các cây “đại thụ” cho chúng tôi một vài gợi ý, rằng: Triều đình của người Việt không phải được dựng lên từ những lãnh chúa hay địa chủ lớn, mà các vua đầu triều thường có những công lao to lớn lấy việc giương cao ngọn cờ dân tộc để chống ngoại xâm, chống cát cứ phá hoại sản xuất là chính. Thực sự triều đình Việt khá nghèo, họ thường chỉ tập trung được nguyên, nhân, vật lực khi có chiến tranh. Chỉ lúc đó, họ mới có đủ sức để trích một phần kinh phí cho xây dựng những công trình bền vững và khá to lớn... Còn rất nhiều vấn đề khác mà cần phải quan tâm, như: loại hình, kết cấu, cây cối... trong không gian di tích mà chúng tôi sẽ đề cập vào một dịp gần đây.

• Người Việt cũng quan tâm rất nhiều đến yếu tố tâm linh trong kiến trúc, chẳng hạn chỉ có đình, đền mới có tả hữu vu, nghi môn trụ, hồ bán nguyệt, bức bình phong. Nhưng chùa thuần thờ Phật thì không



Nghi môn đền Din (Ý Yên, Nam Định) - Ảnh: Quốc Vụ

thể chấp nhận có tả hữu vu, không thể có hồ bán nguyệt và bình phong. Vì, không một thể lực nào được cao hơn Phật, đồng thời, Phật có thể giáo hóa được mười phương, kể cả quỷ dữ, nên không cần bức bình phong để chống quỷ và gió độc. Ở chiều đứng, thông thường, người Việt ở trong ngôi nhà của mình nhất là trong những công trình liên quan đến tôn giáo, tín ngưỡng, họ mong được nhập vào dòng chảy sinh lực thông tam tầng vũ trụ, với mái kiến trúc tượng cho tầng trời, thân nhà là nơi của thế gian, cũng là nơi giao tiếp giữa thần linh với con người và tầng dưới là âm (đất). Để ba tầng này thông nhau, người xưa không mấy khi lát nền nhà và nền đình, đền, chùa... Sau này, để tiện dụng cho sinh hoạt và sinh hoạt tâm linh, họ chỉ lát nền bằng gạch non, song dưới gầm bàn thờ sẽ không lát, cũng có khi họ đào huyệt dưới gầm bàn thờ hoặc lát một phiến đá để thông âm dương... Nhận thức trên được người xưa cho rằng, lát nền nhà làm âm dương cách trở, khiến không dài dòng lớn họ, hoặc làm trắc trở cho cuộc sống nơi thôn dã.

Điểm thứ hai mà chúng tôi quan tâm đến là sự ứng xử của con người hiện nay đối với di sản văn

hoá. Một nhận thức cố hữu của người Việt là muốn xây dựng lại cho mới để gây công quả. Nhưng từ khi tiếp cận với khoa học thì chúng ta đã nhận thức được di sản văn hóa là bạn cùng đường của lịch sử và xã hội Việt, vậy thì ý thức làm mới nêu trên đã mang nhiều yếu tố tiêu cực hơn là tích cực. Bởi người ta thường ẩn núp cái mong muốn của mình, nhất là khi kinh tế của cá nhân hoặc một cộng đồng nhỏ nhất định nào đó, đột ngột trở nên khá giả, họ muốn đóng dấu vai trò của mình với di sản như một khoản ước với thần linh, nên đã tạo cho di sản nhiều sự lộn xộn, dày vò tâm hồn của những người yêu văn hóa có ý thức tín ngưỡng trong sáng. Suy cho cùng, đó là một hiện tượng nhầm lẫn phạm trù, chỉ vì cái tâm chủ quan mà quên mất cái tuệ, nên nhiều khi đã vượt ra ngoài yêu cầu đề cao bản sắc văn hoá dân tộc, đúng như tinh thần của *Nghị quyết 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII*. Với ý thức này, chúng tôi mở cuộc hành hương vào một di tích nổi tiếng của quê hương mình, đó là chùa Hun (chùa Côn Sơn - Chí Linh, Hải Dương). Con đường dẫn vào chùa quanh những đồi thông với không khí trong lành mà người Phật tử như cảm

thấy đó là lời dạy của tiền nhân, rằng: có thông hiểu (mang tính trí tuệ Phật) thì mới có được tâm trong sáng để hành xử đúng mực. Nhưng, tới chùa Hun, chúng tôi chỉ còn thấy phảng phất những tiếng vang vọng của lịch sử dồn nén vào tâm hồn, đó là nơi có dấu ấn từ đời Trần với sư Huyền Quang, với tam tổ Trúc Lâm, một dòng Phật giáo hướng đến bảo vệ văn hoá và độc lập dân tộc. Rồi đến Nguyễn Phi Khanh, Nguyễn Trãi để cuối cùng chúng ta hiểu thế nào là “hư không” của đạo, để trí và tâm phiêu diêu vào cõi thường hằng, không vướng bận vào vật chất. Nhưng khi tu bỏ di tích, người ta đã không quan tâm đến những yếu nghĩa của đạo, mà chú ý nhiều tới vẻ vật chất bên ngoài. Như trên đã trình bày, hiện tượng hồ bán nguyệt khó có thể có ở đây (thực chất trước đây đã có hồ nước tự nhiên). Rồi mới đây dựng một nghi môn, gọi là tam quan ngoại, đã có người coi là một tam sơn. Song, trong Phật triết thì tam quan bao giờ cũng chỉ có một, nếu chùa có vị đại sư kiêm phù thủy như chùa Láng (với Từ Đạo Hạnh) hay chùa Bối Khê với (Nguyễn Bình An) thì để có một nghi môn của Thánh và một tam quan của nhà Phật (vì tam quan mang tính triết học của nhà Phật, không có hai dòng triết học trong một hệ thống). Một con đường thông, tức con đường trí tuệ, để tâm thanh lòng tĩnh trước khi vào với thế giới nhà Phật, thì nay đang bị ồn ào bởi bán buôn. Như vậy, di tích quê tôi chưa được bảo tồn tốt, nhìn ra nơi khác thì sự vi phạm cũng có phần trở nên nghiêm trọng, bởi người ta muốn xóa bỏ cái cũ để xây dựng cái mới. Như thế còn đâu vấn đề liên quan đến lịch sử mà thực chất hiện tượng này đã đi ngược lại tâm vô chấp của đạo Phật. Bởi đạo Phật là một hệ thống dạy con người diệt dục để đi tới niết bàn. Song, hiện nay, biết bao ngôi chùa quá lớn được xây dựng đã vượt ra ngoài truyền thống, đã thoát ly lời dạy của những nhà sư uyên thâm thời trước, rằng: “Hào tự ố tăng”. Chúng tôi cứ phân vân mãi là với một khối vật chất to lớn, nặng nề sẽ níu kéo tâm hồn kiếp tu thì làm sao họ có thể đi vào đường diệt dục để tìm giải thoát. Có thể kể ra đây những ngôi chùa ở quanh Hà Nội, như hàng loạt chùa ở ven hồ Tây, với kiến trúc hai tầng, rồi chùa An Phú ở Ngọc Hồi, chùa ở Cự Linh, thuộc quận Long Biên và rất nhiều ngôi chùa khác. Người ta lấy có vì sự sinh hoạt tín ngưỡng mà phải cải

tạo..., chúng tôi nghĩ rằng, nếu có ý thức bảo vệ văn hóa dân tộc thì người ta vẫn có thể giữ ngôi chùa cũ và xây dựng ngôi chùa mới ngoài khu vực di tích đã được xếp hạng. Và, nay còn đầu tư tưởng thông tam tầng, “Hòa” với thiên nhiên vũ trụ để tồn tại, nên những kiến trúc mới này đã phần nào phá hoại không gian của di tích, để cây cối không còn là một phạm trù của kiến trúc!!! Rất nhiều điển hình về sự vi phạm đó, mà tạm thời lấy một ví dụ là chùa Hội Xá. Ngôi chùa cổ được xếp hạng vào năm 1994, ngay sau đó, “người ta” đã mặc cho ngôi chùa bị tàn phá bởi mưa nắng, để cho người ác tâm ăn cắp mất ba pho tượng Tam Thế Phật vô cùng hiếm và đẹp. Không phải vì “người ta” thiếu kinh phí, mà ý thức tôn trọng tổ tiên bị xóa bỏ, để dựng ngay sát vách ngôi chùa được xếp hạng một ngôi nhà khang trang to lớn, với hai tầng, mang tính giả chùa, mà nghệ thuật không phải Tây không phải Tàu, nhưng nhất định không phải Việt Nam. Hiện tượng này không phải hiếm, ở sự bài trí cũng trở nên lộn xộn, nhiều khi tượng Phật với tóc xoắn ốc đã một thời dài bị ngổ ở hàng bên, để như thị giả cho Bồ Tát (chùa Kim Liên)! Ở nhiều chùa và di tích khác, đồ thờ xếp lộn xộn qua các lần tu bổ, sơn thếp tượng một cách tùy tiện. Các đồ thờ được đưa vào di tích một cách ồ ạt, khiến thần linh như không còn vị trí thoáng đàng để quan sát chúng sinh mà như chỉ để ý đến đồ lễ dâng cúng vô hàng lối. Gần đây là hiện tượng đôi sư tử đá dữ dằn, nổi hằn cơ bắp đầy đe dọa, đứng canh cửa ở nhiều di sản văn hóa của tổ tiên... Còn biết bao vấn đề lộn xộn đòi hỏi chúng ta phải mang trí tuệ để ứng xử các di sản là một phần của văn hóa dân tộc.

Hiện tượng nêu trên đều xuất phát từ nhận thức thiếu đầy đủ, thiếu tuệ và thiếu tâm. Thực tế này bắt buộc chúng ta phải suy nghĩ sâu sắc đến một câu nói của một nhà học giả uyên thâm nào đó: Tuệ mà không có Tâm thì dễ dẫn đến tàn ác, Tâm mà không nương Tuệ thì dễ dẫn đến mê tín dị đoan./.

L.N.K

Chú thích:

1- Theo Trần Lâm Biền (2008), *Diễn biến kiến trúc truyền thống Việt* (Mục “Tiền đề”), Nxb. Văn hóa Thông tin.

(Ngày nhận bài: 28/10/2014; Ngày phân biện đánh giá: 19/11/2014; Ngày duyệt đăng bài: 19/11/2014).